

◆ 電話



(1) 家に電話を新しくつけるとき

電話を新しくつけるときには、NTT(116番)へ申し込みます。申し込みには、外国人登録証などの身分証明が必要です。新規契約には加入電話と加入電話ライトプランの2種類があります。

● 加入電話と加入電話ライトプランの違い

【加入電話】

契約のときに、施設設置負担金(電話加入権)37,800円と契約料840円がかかります。12年1ヶ月以上、電話を利用する場合は、月々の基本料が安くなります。また、NTTに申込み、電話の利用休止や権利譲渡ができます。

【加入電話ライトプラン】

契約のときに、契約料840円と工事料2,100円がかかります。施設設置負担金(電話加入権)は不要です。月々の基本料は250円程度高くなります。電話の利用休止や権利譲渡はできません。

(2) 引越しをするとき

電話を移転するときは、NTT(116番)へ連絡します。

(3) 電話がいなくなったとき

● 電話加入権を知り合いにゆずる。

NTT(116番)へ連絡し、名義変更をします。電話は利用休止にし、料金を納めてから人へゆずります。

● 取引業者をとおして電話加入権をゆずる。

いなくなった電話加入権を欲しい人に譲る仲介業者を「電話加入権取引業」といい、電話帳には、「電話取引業」で掲載されています。

(4) 料金の支払い方

毎月、通話料と基本料(回線使用料)を支払います。請求書により銀行、郵便局、コンビニエンスストア等で支払うか、または銀行の口座振替を利用します。

◆ Điện thoại:

(1) Cách đăng ký đường dây đường thoại:

Đăng ký lắp đặt điện thoại với công ty điện thoại NTT (tổng đài 116). Khi đăng ký cần phải có giấy chứng minh nhân dân (nếu là người nước ngoài thì cần phải có thẻ ngoại kiều). Khi đăng ký hợp đồng mới, có 2 dạng hợp đồng: Kanyudenwa và Kanyudenwa raitopuran.

● Sự khác biệt giữa 2 dạng hợp đồng:

<Kanyudenwa>

Đối với dạng hợp đồng này, bạn phải chịu phí lắp đặt và quyền sở hữu đường dây 37.800yen, và chi phí hợp đồng là 840yen. Sau 13tháng, tiền thuê bao điện thoại hàng tháng sẽ được giảm. Khi đăng ký theo dạng hợp đồng này, bạn có thể xin ngừng hoặc chuyển nhượng quyền sử dụng đường dây điện thoại mà mình đang sử dụng.

<Kanyudenwa raito puran>

Nếu đăng ký theo dạng hợp đồng này, bạn sẽ phải đóng 2100yen tiền lắp đặt và 840yen tiền ký hợp đồng. Không cần đóng chi phí lắp đặt cũng như quyền sở hữu đường dây. Tuy nhiên, tiền thuê bao điện thoại hàng tháng sẽ cao hơn 250yen so với dạng “kanyudenwa”

(2) Khi chuyển nhà: Khi chuyển nhà cần liên lạc với công ty điện thoại NTT (số 116).

(3) Khi muốn ngừng thuê bao điện thoại:

● Trong trường hợp muốn chuyển nhượng cho người khác: liên lạc với công ty NTT để sang tên. Sau khi đóng lệ phí ngừng sử dụng, đường dây điện thoại sẽ được chuyển sang tên người chủ mới.

● Trong trường hợp muốn chuyển nhượng quyền sử dụng thông qua công ty môi giới: đây là dịch vụ môi giới được gọi là “Denwa kanyuiken torihikigyō”, bạn có thể biết thêm chi tiết về các công ty này trong danh sách niên giám điện thoại.

(4) Cách thanh toán tiền điện thoại:

Bạn phải trả tiền thuê bao và tiền điện thoại mỗi tháng. Bạn có thể thanh toán tiền điện thoại tại bưu điện,

口座振替の手続きは、金融機関へ申し込みます。

お問い合わせ:

※NTT西日本ホームページ

<http://www.ntt-west.co.jp>

※NTT 外国語受付相談センター

Ph:0120-364-463 (月～金 9:00-17:00)

(英語、スペイン語、ポルトガル語、中国語、フランス語)

◆携帯電話

携帯電話やPHSは、国内ほとんどの地域で使えます。

詳しくは、携帯電話(ドコモ、ボーダフォン、au、ツーカー
一等) やPHSの会社に問い合わせてください。

◆申し込みに必要なもの:

1. 身分証明書(パスポート、外国人登録証明書)
2. 銀行届出印
3. 電話機の代金、契約手数料など

※滞在期間が短いなど、一般契約ができない方には、
プリペイド携帯が便利です。これは、先に、プリペ
イドカードを買うことで、そのカード料金分の通話
ができる前金払い製の携帯電話です。基本料金は
かかりません。コンビニエンスストア等で販売さ
れています。

◆国際電話

自宅の電話、公衆電話、携帯電話などから、直接、
外国に電話をかけることができます。利用する電話
会社によって、料金やかけ方、かけることができる地
域・国が違います。詳しいことはそれぞれの会社に
問い合わせてください。

公衆電話から、国際電話をかけるときは、前面に金
色のパネルのついている緑色の電話や、グレーの
電話などで、「国際通話兼用公衆電話」

「International & Domestic」と表示されている電話を
利用してください。硬貨やテレフォンカードを使って国
際電話をかけることができます。格安で便利な国際
電話プリペイドカードも各社で取り扱っています。

ngân hàng, compini hoặc thanh toán bằng tài khoản.
Cần liên lạc với ngân hàng để làm thủ tục thanh toán
bằng chuyển khoản. Địa chỉ liên lạc:

*NTT Nishi Nihon : <http://www.ntt-west.co.jp>

*NTT Tổng đài giải đáp thắc mắc bằng tiếng nước
ngoài (tiếng Anh, Pháp, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha,
Trung Quốc) tel: 0120-364-463 (thứ hai ~ thứ sáu
9:00-17:00)

◆Điện thoại di động:

Các dịch vụ điện thoại di động đều có thể sử dụng ở
hầu hết các khu vực trong nước. Muốn biết thêm chi
hãy liên hệ với các công ty dịch vụ điện thoại di động
như Docomo, Voda-fone, Au, Tsu-ka v.v...

◆Những giấy tờ cần thiết khi đăng ký:

1. Giấy chứng minh Nhân dân (Có thể là hộ chiếu hoặc
thẻ ngoại kiều)
2. Con dấu “Inkan” đã đăng ký tại ngân hàng
3. Tiền ký hợp đồng và tiền mua máy điện thoại

*Trong trường hợp thời gian cư trú ngắn hạn, không
thể ký hợp đồng phổ thông, có thể đăng ký sử dụng
điện thoại di động “puribeido” tại các công ty điện
thoại. Dịch vụ điện thoại này không cần trả lệ phí thuê
bao, bạn mua thẻ điện thoại tại các tiệm compini để sử
dụng.

◆Điện thoại Quốc tế:

Có thể gọi Quốc tế trực tiếp từ điện thoại bàn, điện
thoại công cộng, hoặc bằng di động. Tùy theo công ty
điện thoại, cách gọi cũng như cước phí, và giới hạn
khu vực cũng khác nhau. Muốn biết thêm chi tiết hãy
liên lạc với các công ty điện thoại.

*Khi gọi điện thoại quốc tế tại các điện thoại công
cộng, chỉ có thể gọi bằng các máy điện thoại giành gọi
Quốc tế như là các máy điện thoại màu xám, hoặc là
các máy có dòng chữ “International & Domestic”. Có
thể dùng telephone card, hoặc đồng xu để gọi điện
thoại quốc tế. Ngoài ra, tại các công ty điện thoại có
các dịch vụ “puribeido cado” (prepared card) gọi
điện thoại quốc tế với giá rẻ

◆ 国際電話のかけ方

[マイライン・マイラインプラスに登録されている場合]

「010」+「相手国番号」+「相手国内番号」

※マイラインって何？

利用する電話会社を登録することにより、識別番号をダイヤルしなくてもその会社を優先的に利用できるサービス。また、登録しなかった別の電話会社を使いたいときには、その会社の識別番号をダイヤルすればよい。

※マイラインプラスって何？

登録した会社のみを利用する電話会社固定サービス。マイラインのように、別の電話会社の識別番号をダイヤルしても、利用会社は登録会社のみに限られる。

【マイライン・マイラインプラスに登録されていない場合】

「電話会社の識別番号」+「010」+「相手国番号」+「相手国内番号」

電話会社の識別番号

- KDDI・・・001 ドイツテレコム・・・0080
- 日本テレコム・・・0061 NTTコミュニケーションズ・・・0033
- フュージョン・コミュニケーションズ・・・0038 メディア・・・0060
- MCIワールドコム・ジャパン・・・0071

◆ 電話案内

- TEL:104 電話番号案内(有料)
- TEL:106 コレクトコール
- TEL:108 コレクトコール(音声)
- TEL:110 警察、救助、救急車
- TEL:113 電話の故障
- TEL:114 電話の相手がずっとお話中のとき
- TEL:115 電報の申込み
- TEL:116 引越し、電話に関する相談
- TEL:117 時報(有料)
- TEL:171 災害用伝言ダイヤル
(詳細は1-2東海地震に備えてをご覧ください。)
- TEL:177 天気予報(有料)

◆ Cách gọi điện thoại quốc tế:

*trường hợp có đăng ký My-line, My-line Plus:

010 + mã quốc tế+ mã vùng trong nước+ số điện thoại

*Chú thích:

◇Dịch vụ My-line là gì?: khi sử dụng dịch vụ Myline bạn không cần bấm số tổng đài của công ty mình đăng ký, và dịch vụ này luôn được ưu tiên.Nếu như muốn sử dụng các dịch vụ của các công ty điện thoại khác khi không có đăng ký, bạn chỉ cần bấm số tổng đài trước khi gọi.

◇Dịch vụ Myline Plus: là dịch vụ chỉ sử dụng dịch vụ điện thoại đã đăng ký .Không giống như dịch vụ Myline, cho dù quay số tổng đài của các dịch vụ không có đăng ký, cũng chỉ có thể sử dụng những dịch vụ mà mình đã đăng ký.

*Nếu không có đăng ký Myline hoặc Myline Plus:

Quay số tổng đài của dịch vụ+010+ mã quốc tế+ số điện thoại trong nước

◎Các số tổng đài của các dịch vụ điện thoại:

- KDDI・・・001 ドイツテレコム・・・0080
- 日本テレコム・・・0061 NTTコミュニケーションズ・・・0033
- フュージョン・コミュニケーションズ・・・0038 メディア・・・0060
- MCIワールドコム・ジャパン・・・0071

◀Các số điện thoại tiện ích:

- 104: truy cứu số điện thoại (có tính cước phí)
- 106: gọi điện thoại khi không trả cước phí
- 108: gọi điện thoại khi không trả cước phí (hướng dẫn tự động)
- 110: Cảnh sát, cứu thương, cấp cứu
- 113: thông báo điện thoại hư
- 114: khi đường dây điện thoại luôn bận
- 115: đăng ký gọi điện báo
- 116: tư vấn về các dịch vụ điện thoại hoặc dọn nhà
- 117: thông báo giờ (có tính cước phí)
- 171: để lại tin nhắn khi có thiên tai, động đất (thông tin chi tiết có đăng tại “1-2 chuẩn bị khi có động đất Tokai”)
- 177: thông báo thời tiết (có tính cước phí.)